



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thương mại Kiên Giang

Ngày 30/09/2025	9,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.4%	0%	9.0%

DT thuần Q3/25
1,441
tỷ VNĐ
QoQ: ▼126 -8.0%
YoY: ▲ 167 13.1%

LN thuần Q3/25
8.21
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.89 -49.0%
YoY: ▲ 4.65 131%

LN sau thuế Q3/25
9.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.19 -18.3%
YoY: ▲ 5.02 105%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
1.4%
YoY: +/- ▼ 0.1%

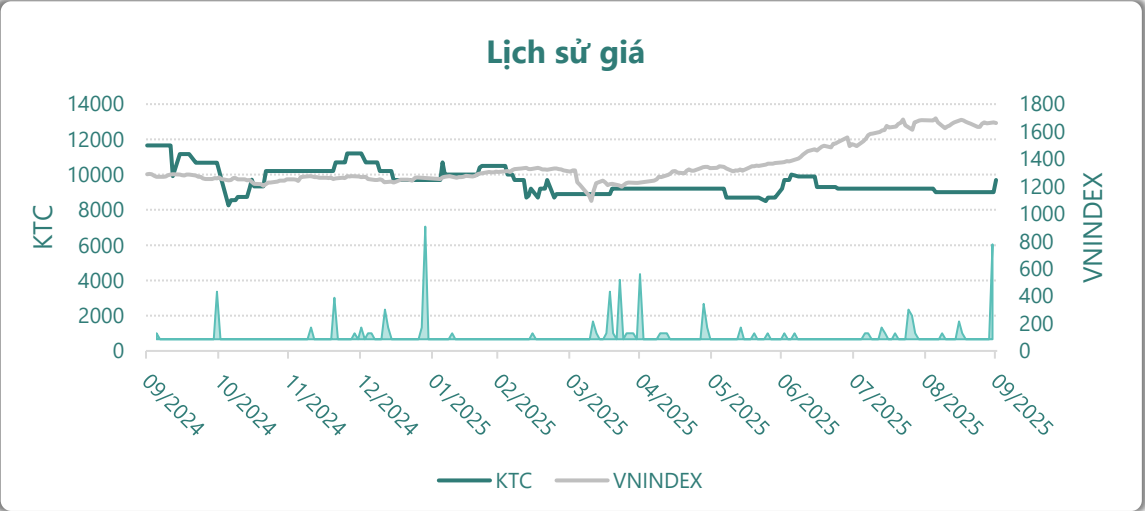
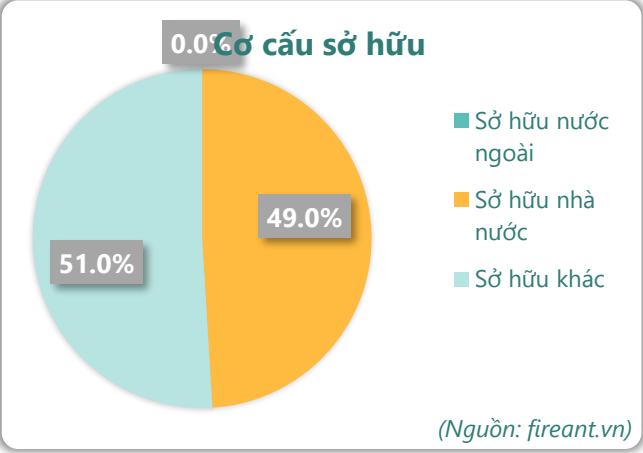
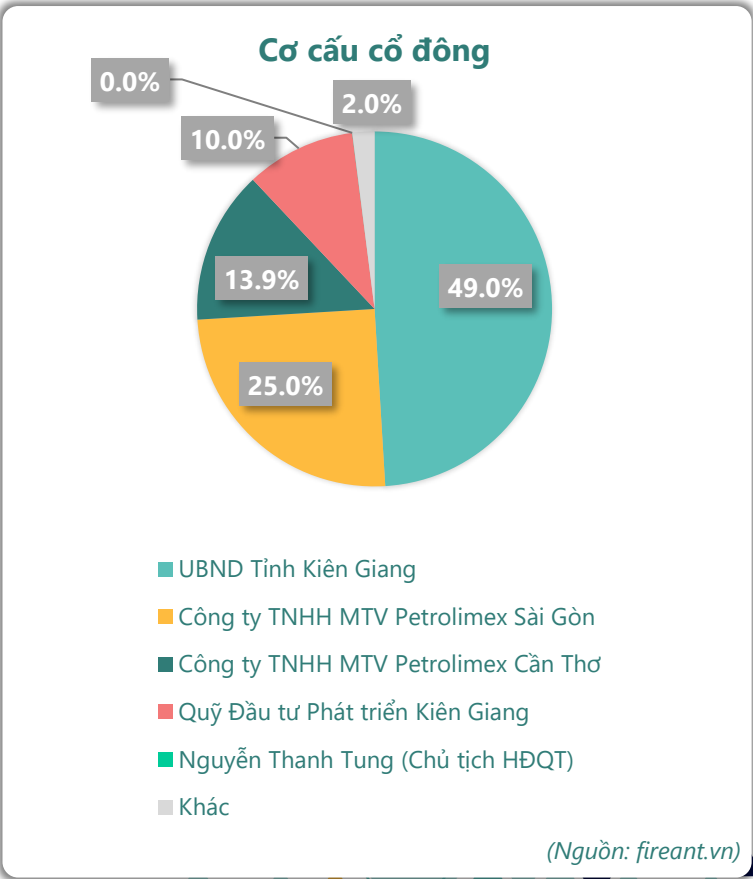
ROE (TTM) Q3/25
7.2%
YoY: +/- ▲ 1.1%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,257 - 11,657
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	354
Số lượng CPLH (CP)	36,473,833
KLGD BQ 20 phiên (CP)	45
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.03
EPS	852
P/E	11.4

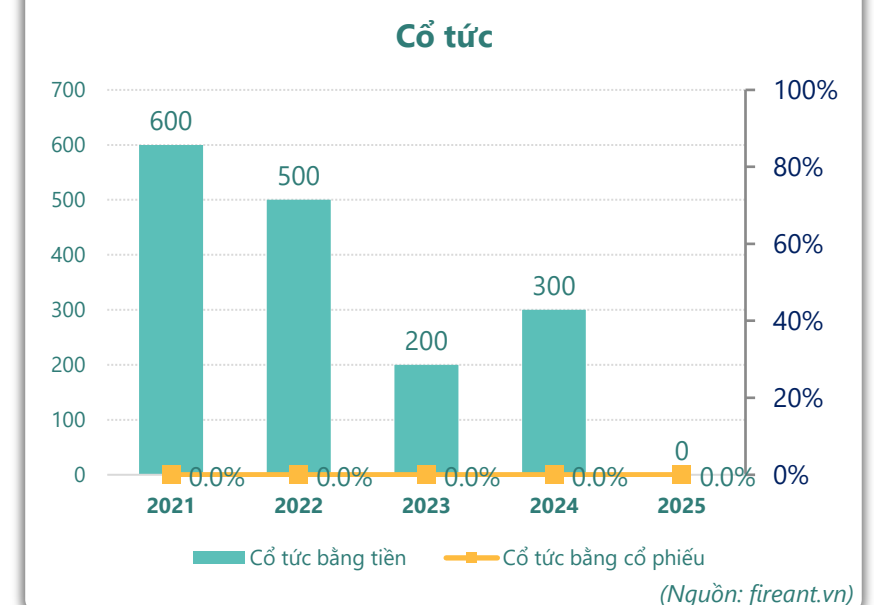
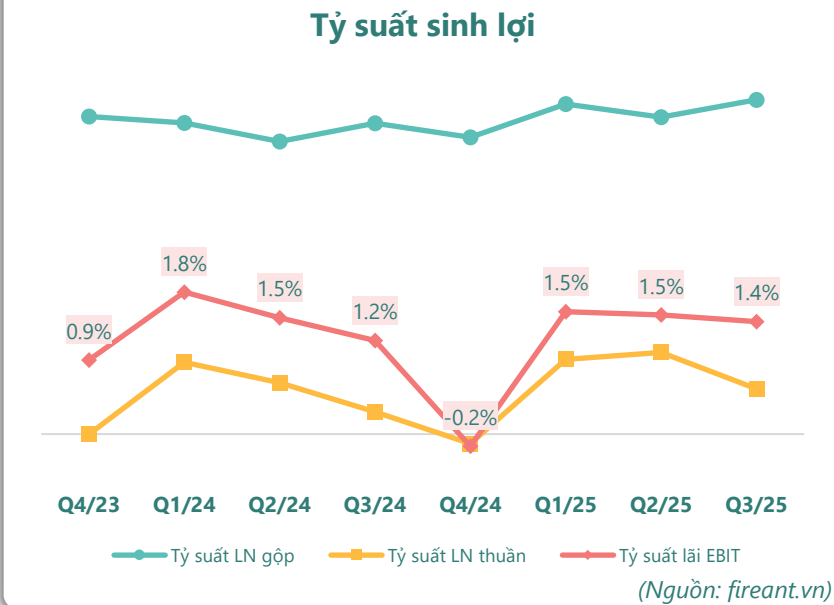
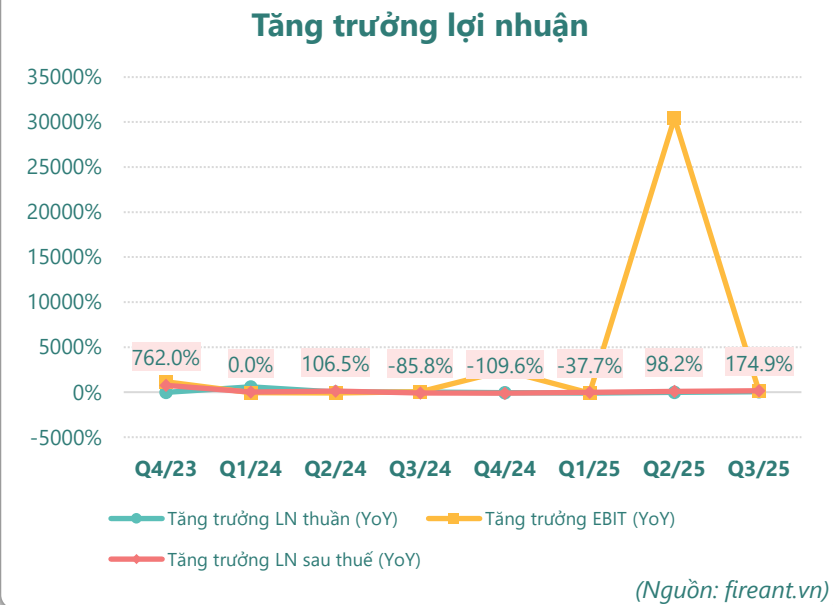
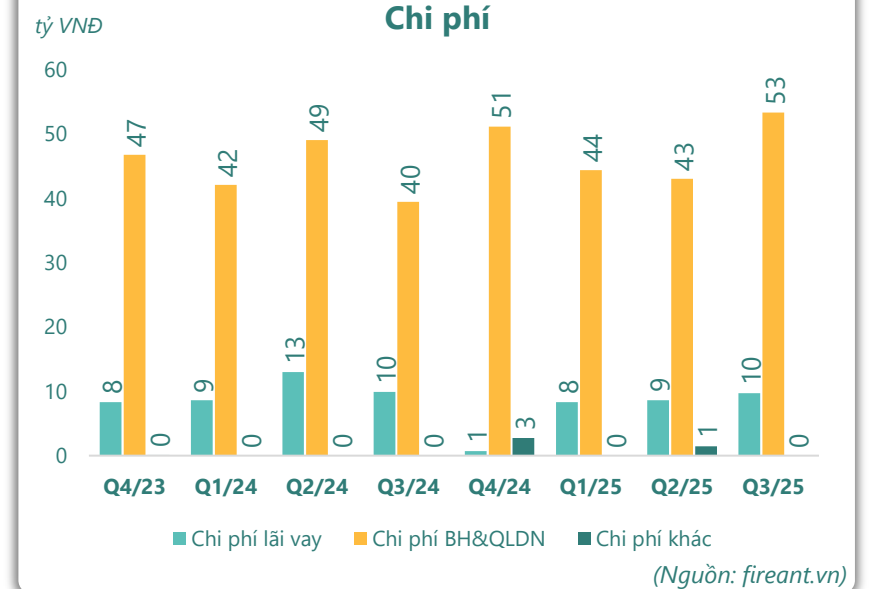
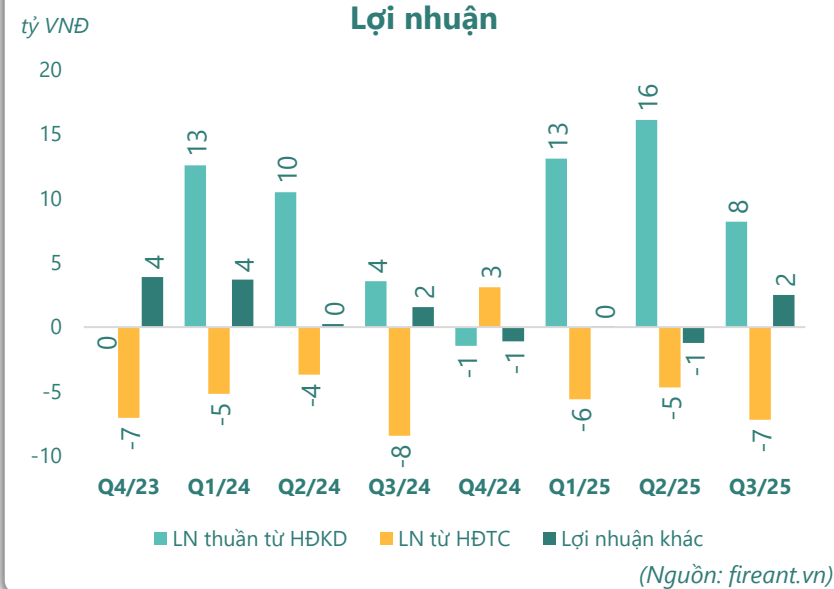
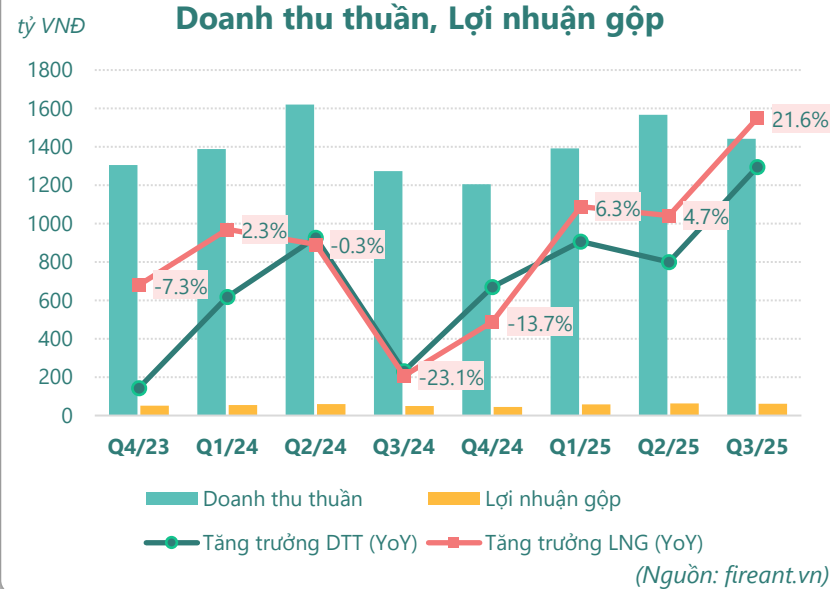
DT thuần 9T 2025
4,399
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 116 2.7%

LN thuần 9T 2025
37.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.8 40.5%

LN sau thuế 9T 2025
33.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.40 19.2%



KẾT QUẢ KINH DOANH

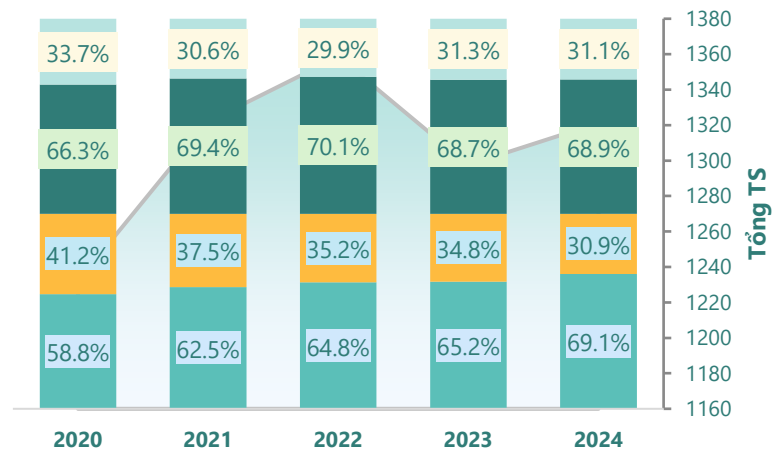




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

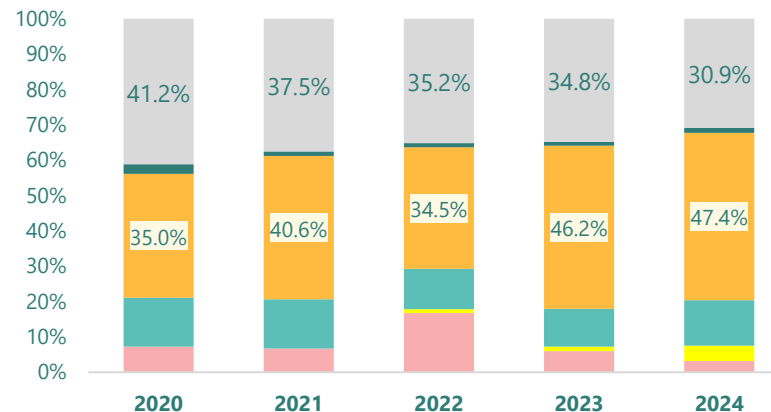
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

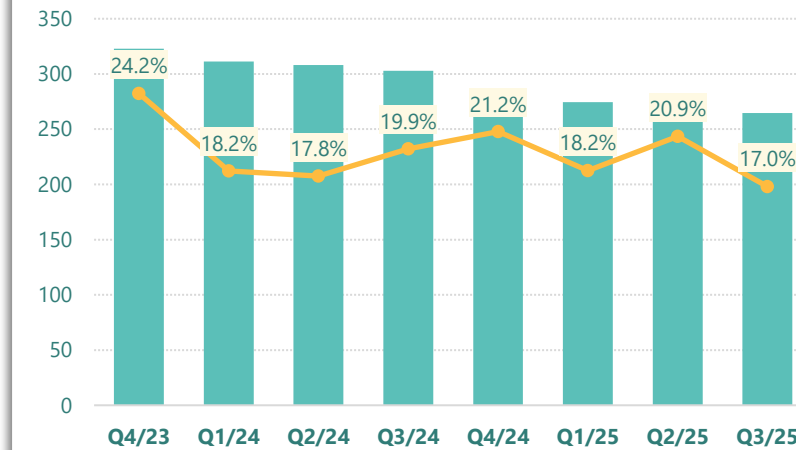


■ Tiền và ĐĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ Phải thu ngắn hạn ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

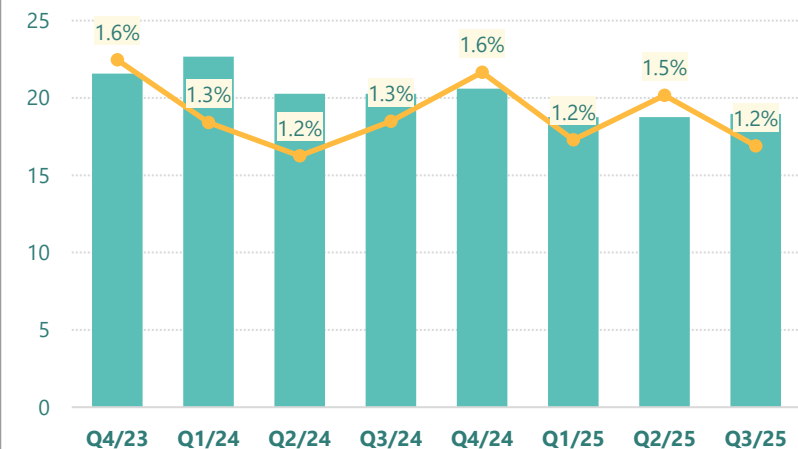


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

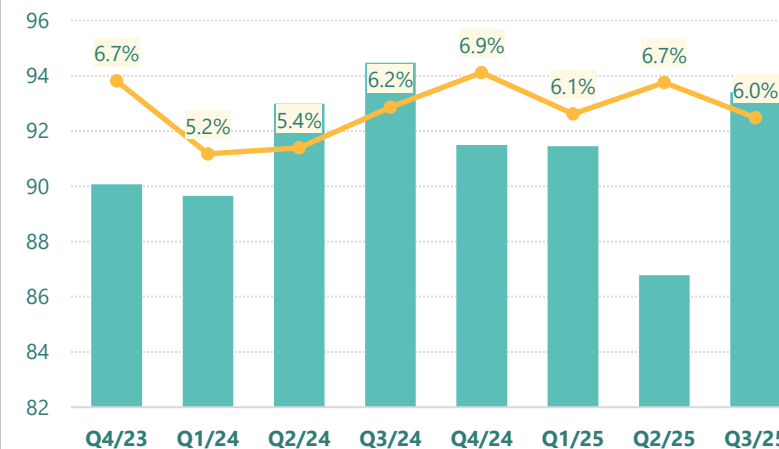


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

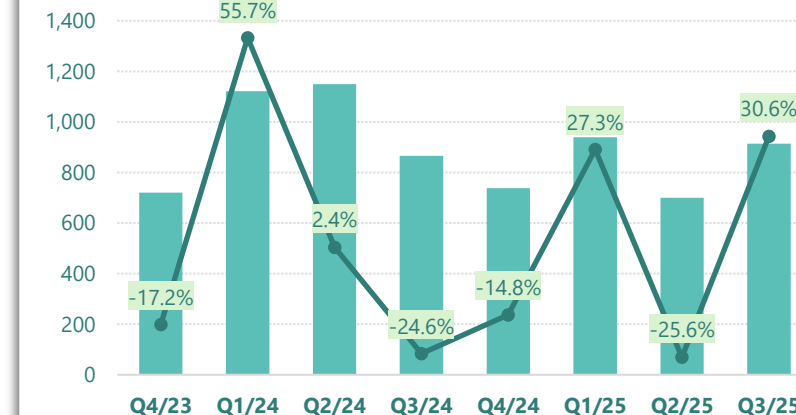


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

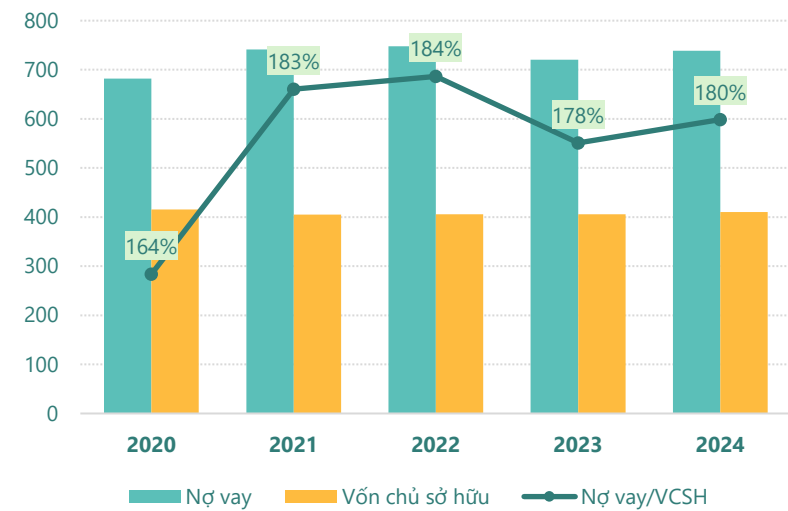
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

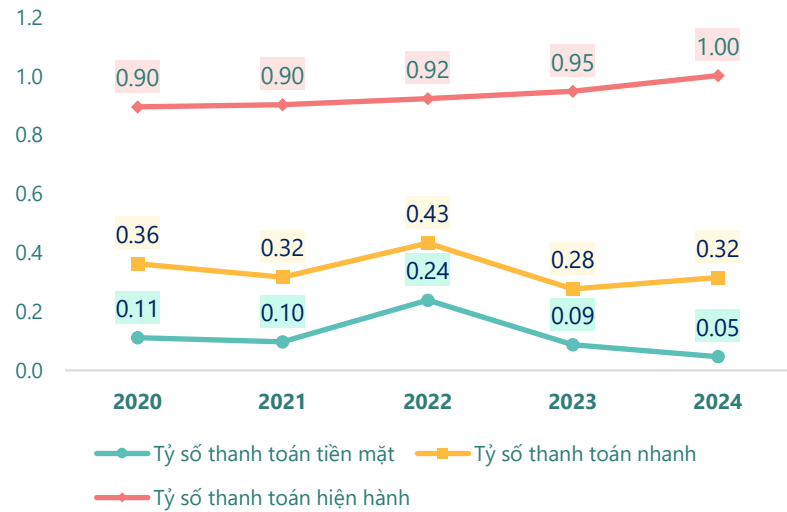
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



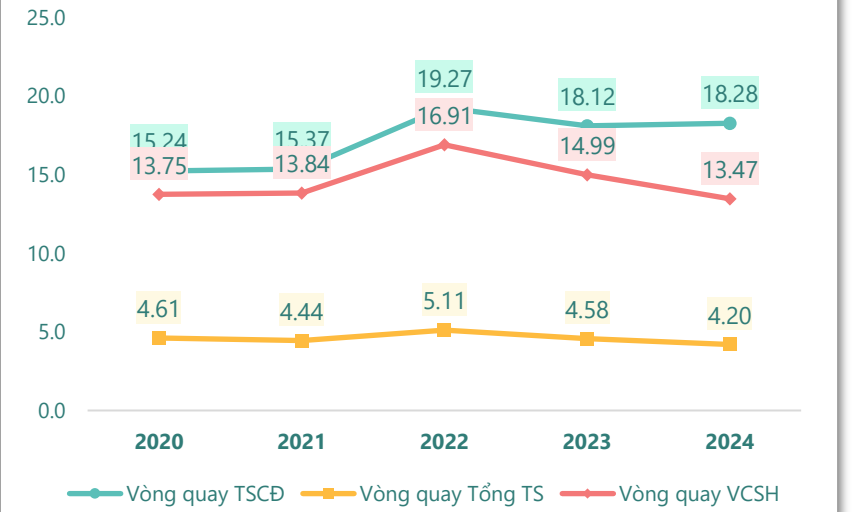
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



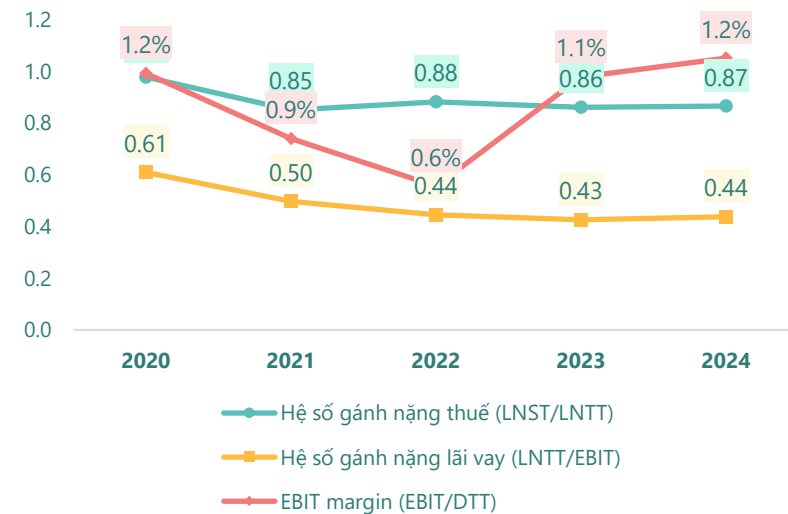
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



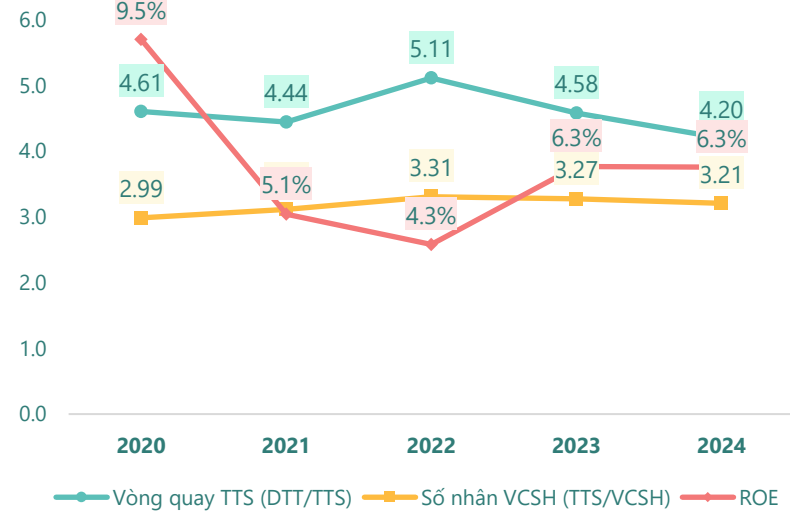
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



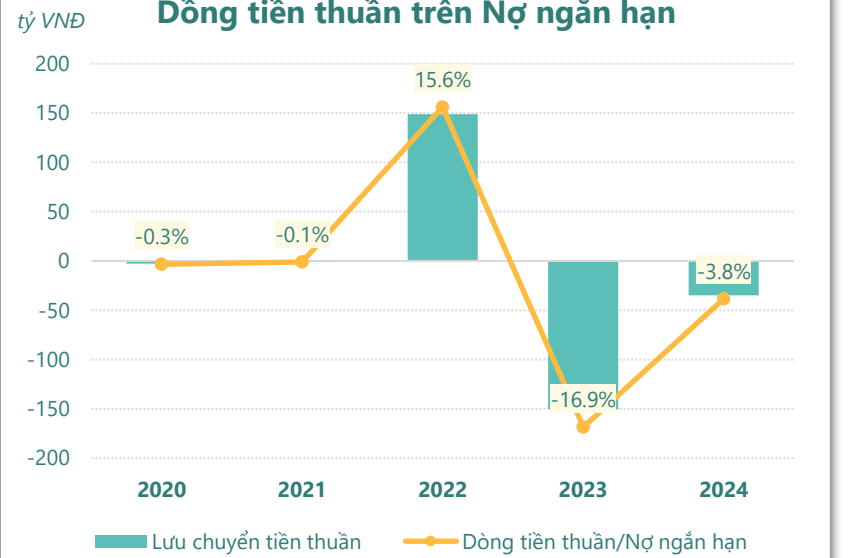
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,441	1,274	13.1%	4,399	4,283	2.7%
Giá vốn hàng bán	1,380	1,224	12.8%	4,218	4,119	2.4%
Lợi nhuận gộp	60.7	49.9	21.7%	181	164	10.4%
Doanh thu HĐTC	3.08	5.10	-39.7%	17.5	18.9	-7.0%
Chi phí TC	10.3	13.6	-24.4%	35.1	36.2	-3.2%
Chi phí lãi vay	9.74	9.94	-2.1%	26.7	31.6	-15.4%
LN trong công ty LKLD	8.06	1.58	410%	14.6	10.5	38.8%
Chi phí bán hàng	35.7	29.3	21.8%	99.9	93.9	6.3%
Chi phí QLDN	17.7	10.2	73.3%	41.0	36.8	11.4%
LN thuần từ HĐKD	8.21	3.56	131%	37.4	26.6	40.5%
Lợi nhuận khác	2.49	1.55	60.7%	1.30	5.48	-76.2%
LN trước thuế	10.7	5.11	109%	38.7	32.1	20.6%
Lợi nhuận sau thuế	9.81	4.79	105%	33.6	28.2	19.2%
LNST của CĐ cty mẹ	9.80	4.78	105%	33.5	28.2	19.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	161	160	84.4	-186	173	-159
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-57.7	-3.53	39.0	3.00	41.6	-43.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	27.3	-283	-139	201	-240	214
Tiền đầu kỳ	53.8	185	58.0	42.1	60.2	36.9
Lưu chuyển tiền thuần	131	-127	-15.9	18.2	-25.1	11.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	185	58.0	42.1	60.2	36.9	46.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,559	1,321	18.0%
Tài sản ngắn hạn	1,165	913	27.6%
Tiền và tương đương tiền	46.2	42.3	9.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	57.5	56.7	1.4%
Phải thu ngắn hạn	273	170	60.6%
Hàng tồn kho	743	626	18.7%
Tài sản ngắn hạn khác	45.5	18.7	144%
Tài sản dài hạn	394	408	-3.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	265	279	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	19.0	20.6	-8.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	93.4	91.5	2.1%
Tài sản dài hạn khác	16.9	17.0	-0.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,123	911	23.3%
Nợ ngắn hạn	1,123	911	23.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	914	738	23.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	75.5	59.0	28.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	436	410	6.2%
Vốn chủ sở hữu	436	410	6.2%
Vốn điều lệ	365	365	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

